

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 91/DVCC-HC ngày 11 tháng 5 năm 2023 của Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương về việc giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Khu thương mại dịch vụ và dân cư Bắc Cống Vong”;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Khu thương mại dịch vụ và dân cư Bắc Cống Vong đã họp ngày 20 tháng 4 năm 2023 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương (sau đây viết tắt là Chủ dự án), địa chỉ tại Số 91, đường Thích Quảng Đức, phường Phú Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu thương mại dịch vụ và dân cư Bắc Cống Vong (sau đây viết tắt là dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Khu thương mại dịch vụ và dân cư Bắc Cống Vong.

1.2. Địa điểm hoạt động: khóm Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

1.3. Mã số thuế: 3700149145.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Vị trí dự án thuộc khóm Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Tỉ cận tiếp giáp với dự án như sau:

- + Phía Bắc giáp đất ruộng;
- + Phía Nam giáp kênh Cống Vong;
- + Phía Tây giáp đất dân;
- + Phía Đông giáp kênh 600.

- Quy mô, công suất dự án:

+ Tổng diện tích sử dụng đất là 45.919,7 m², bao gồm diện tích đất ở là 20.422,3 m²; đất thương mại dịch vụ là 4.767 m² (khu Bách hóa 2.807 m²; khu Nông sản 1.960 m²); đất công viên cây xanh là 2.644 m² (khu vui chơi thiếu nhi là 1.034 m²; đất Công viên cây xanh bờ sông là 1.610 m²); khu xử lý nước thải là 479,7 m² và đất giao thông là 17.606,7 m².

+ Tổng quy mô dân số khoảng 1.200 người, bố trí 240 lô nền nhà.

+ Hệ thống xử lý nước thải có quy mô công suất 150 m³/ngày.

+ Tổng mức vốn đầu tư của dự án là 144.673.993.533 đồng đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi ba triệu chín trăm chín mươi ba ngàn năm trăm ba mươi ba ngàn đồng*). Dự án đầu tư có tiêu chí thuộc nhóm B theo quy định của pháp luật về đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường), cơ quan chức năng ở địa phương (UBND huyện Thoại Sơn, UBND thị trấn Núi Sập) nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày tháng 5 năm 2023 đến ngày tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- Các Sở: Xây dựng, Khoa học và Công nghệ;
- UBND huyện Thoại Sơn (để phối hợp chỉ đạo);
- Công ty CP Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Chi cục BVMT;
- Thanh tra Sở;
- Chi cục QLDD;
- Trung tâm CNTTNTMT (đăng Website);
- Phòng TNMT huyện Thoại Sơn;
- UBND thị trấn Núi Sập;
- Lưu: VT,ntkx.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Trí

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 528/GP-STNMT ngày 18/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ dân, lưu lượng phát sinh khoảng 96m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các tiểu thương tại khu thương mại, dịch vụ, lưu lượng phát sinh khoảng 7,84m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt của khách vãng lai tại khu thương mại, dịch vụ, lưu lượng phát sinh khoảng 1,6m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ hoạt động kinh doanh của khu chợ nông sản, lưu lượng phát sinh khoảng 3m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của khách vãng lai tại khu vui chơi thiếu nhi, lưu lượng phát sinh khoảng 9,6m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Công Vong thuộc khóm Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí xả nước thải vào kênh Công Vong tại khóm Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X= 1135803; Y= 556707 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°45', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải tối đa: 150 m³/ngày (24 giờ), tương đương 6,25 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Tự chảy sau xử lý;

- Nước thải sau khi qua xử lý tại hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k = 1) nước thải sau xử lý được xả ra nguồn tiếp nhận là kênh Công Vong theo tuyến ống HDPE Ø315mm với chiều dài 30m.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Chu kỳ xả nước thải: Hằng ngày.
- Thời gian xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, $C_{max} = C$, $k=1$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) tính theo N)	mg/l	30		
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân, khu thương mại dịch vụ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi dẫn về tuyến thu gom nước thải chung. Nước thải phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Khu Nông sản được đầu nối trực tiếp với tuyến thu gom nước thải của dự án. Sau đó nước thải dẫn về các hố ga (tuyến ống phụ HDPE Ø250mm; tuyến ống chính HDPE Ø315 (trên đường

số 7)) đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 150m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý thoát ra kênh Cống Vong theo đường ống HDPE Ø315mm dài 30m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: bể tự hoại 03 ngăn.

- Tại các hộ dân: bể tự hoại 03 ngăn được bố trí riêng lẻ tại nhà ở của từng hộ dân, khu thương mại – dịch vụ đúng tiêu chuẩn xây dựng theo quy định.

- Khu thương mại dịch vụ: 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 10,5m³ (L x W x H = 3,5 x 2,0 x 1,5m) tại khu Bách hóa trước khi đầu nối với tuyến thu gom nước thải của dự án bằng tuyến ống uPVCØ90; 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 20,3m³ (L x W x H = 4,1 x 3,3 x 1,5m) tại khu Nông sản trước khi đầu nối với tuyến thu gom nước thải của dự án bằng tuyến ống uPVCØ150.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hệ thống thoát nước thải nội bộ → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Hồ thu gom → Bể Điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Aerotank → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Quy mô công suất thiết kế: 150 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng quá trình xử lý nước thải: PAC sử dụng khoảng 15 – 25g/m³ (dùng cho Bể lắng sinh học) và Chlorine sử dụng khoảng 3 – 5g/m³ (dùng cho Bể khử trùng).

Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k=1) sau đó thoát ra kênh Cống Vong theo tuyến ống HDPE Ø315mm với chiều dài 30m.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đầu tư dây chuyền công nghệ tiên tiến, máy móc thiết bị xử lý hiệu quả.

- Bố trí người quản lý, theo dõi và vận hành hệ thống xử lý nước thải thường xuyên, tuân thủ đầy đủ quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Nếu có sự cố xảy ra phải báo ngay với các đơn vị chịu trách nhiệm để khắc phục sự cố.

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

- Trang bị bơm dự phòng (vừa dự phòng, vừa luân phiên xử lý) và thiết kế lược rác thô đầu vào hạn chế trường hợp nghẹt bơm do rác.

- Thường xuyên bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian 90 ngày (dự kiến từ tháng 04 năm 2025 đến tháng 07 năm 2025).

- Công suất dự kiến đạt được: 150m³/ngày.đêm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 150 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Nước thải đầu vào (trước xử lý): Tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải đầu ra (sau xử lý): Tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án đầu tư phải quan trắc, giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Chủ dự án đầu tư tự chịu trách nhiệm việc thực hiện tổ chức lấy mẫu, đánh giá nước thải.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Chủ dự án đầu tư thực hiện lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải để đánh giá:

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể gom (nước thải đầu vào, trước xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

+ 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp tại bể khử trùng (nước thải đầu ra, sau xử lý) của hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Giảm thiểu mùi hôi phát sinh từ các bể của trạm xử lý nước thải (bể thu gom, bể sinh học kỵ khí, bể sinh học hiếu khí, bể lắng, bể chứa bùn) bằng cách phun hóa chất EM.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 5, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ dự án đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.8. Trong quá trình vận hành, xả nước thải sau xử lý vào nguồn tiếp nhận nếu có sự cố bất thường, chủ dự án đầu tư phải báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Thoại Sơn (thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn), Ủy ban nhân dân thị trấn Núi Sập và tổ chức khắc phục sự cố theo quy định./.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 528/GP-STNMT ngày 18/5/2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: từ máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng Khu Bách hóa.

Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng Khu Nông sản.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: từ máy móc, thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án. Tọa độ vị trí phát sinh X= 1135833; Y= 556685 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45$, múi chiếu 3°).

Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng Khu Bách hóa. Tọa độ vị trí phát sinh X= 1135970; Y= 556694 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45$, múi chiếu 3°).

Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng Khu Nông sản. Tọa độ vị trí phát sinh X= 1135845; Y= 556696 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45$, múi chiếu 3°).

3. Yêu cầu: Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất	Ghi chú
-----	--	----------	---------

	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	quan trắc định kỳ	
1	70	60	Không	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng.
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị của công trình xử lý nước thải tập trung.
- Thiết bị máy móc của trạm xử lý nước thải được lắp đặt trong nhà che máy bơm (phòng kín).

Trồng cây xanh xung quanh khu vực hệ thống xử lý nước thải để hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG (Kèm theo Giấy phép môi trường số 528/GP-STNMT ngày 18/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	13	156
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	5	60
3	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	Lỏng	4	48
4	Bao bì mềm, giẻ lau thải	18 01 01	Rắn	2	24
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 0103	Rắn	3	36
Tổng cộng				27	324

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung (Mã chất thải: 12 06 10) phát sinh khoảng 0,5m³/tháng.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.584,2kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Bố trí 05 thùng chứa loại 120 lít theo 05 loại chất thải nguy hại phát sinh tại dự án, mỗi thùng chứa có dán nhãn để phân biệt và dán nhãn ảnh báo chất thải nguy hại theo quy định.

2.1.2. *Kho lưu chứa chất thải nguy hại:*

- Kho lưu chứa: diện tích 9 m², khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có mái che bằng tole, xung quanh vũng tole, nền chống thấm (nền bê tông), có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. bố trí trong khuôn viên hệ thống xử lý nước thải.

- Chủ dự án đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án xây dựng bể phân hủy bùn thải bằng bê tông cốt thép với thể tích 29,57m³. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, bùn dư từ ngăn bơm bùn sinh học của sẽ được bơm về bể phân hủy bùn.

- Khi lượng bùn thải trong hệ thống xử lý nước thải vượt mức quy định (khoảng 2/3 bể phân hủy bùn), thì sẽ tiến hành thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn và chuyển đi xử lý theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 1 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Đối với các hộ dân (Khu vực đất ở):

+ Chủ dự án phối hợp với địa phương tuyên truyền các hộ dân tự phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thành 02 nhóm là loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế và chất thải còn lại. Các hộ dân và các đối tượng khác trong khu vực tự bố trí thùng rác tại hộ gia đình, thực hiện thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt, sau mỗi ngày chuyển ra các thùng rác loại 120 lít đã được chủ dự án bố trí ở các tuyến đường nội bộ.

+ Đối với khu vực công cộng: Chủ dự án bố trí 24 thùng rác loại 120 lít, có nắp đậy phân bố đều trong khu vực dự án (*trung bình mỗi lô bố trí 02 thùng*), phân loại rác theo đúng quy định để đơn vị thu gom rác thuận tiện trong thu gom chuyển đi xử lý.

- Đối với khu vực thương mại, dịch vụ: Chủ dự án bố trí 08 thùng rác loại 120 lít (*04 thùng rác cho mỗi khu*), thùng rác được đặt phía trước chợ. Ban quản lý chợ sẽ phân công nhân viên cuối ngày thu gom rác tập kết ra phía trước để đơn vị thu gom rác của địa phương chuyển đi xử lý.

- Khu vui chơi thiếu nhi: Chủ dự án bố trí 02 thùng rác loại 120 lít.

- Chủ dự án hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị An Giang – Xí nghiệp môi trường đô thị huyện Thoại Sơn, tiến hành thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Tần suất thu gom 01 lần/ngày. Các hộ dân, tiểu thương đóng góp các khoản phí dịch vụ thu gom theo quy định. Đảm bảo chất thải rắn được phân.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Chủ dự án đầu tư có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 528 /GP-STNMT ngày 18/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Dự án đã hoàn thành xây dựng các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật và các yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 4049/XN-STNMT ngày 31/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Các hạng mục này đã được Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Thoại Sơn kiểm tra, nghiệm thu hoàn thành công trình tại Thông báo số 15/TB.TĐ-KTHT ngày 07/04/2023 của Phòng Kinh tế Hạ tầng – UBND huyện Thoại Sơn về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng. Đối với một số nội dung thay đổi so với Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 4049/XN-STNMT ngày 31/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường đã được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

4. Giấy phép môi trường là căn cứ để thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư.

5. Thực hiện nghiêm túc các nội dung khác trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Khu thương mại dịch vụ và dân cư Bắc Cống Vong (đính kèm theo) và các quy định về bảo vệ môi trường./.